

PHÁP LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ VỚI VIỆC ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÁC QUYỀN DÂN SỰ CỦA CON NGƯỜI VÀ CÔNG DÂN THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013

HÀ THỊ MAI HIÊN*

Tóm tắt:

Bài viết nêu quan điểm và xác định vai trò của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong việc bảo đảm thực hiện các quyền dân sự của con người và công dân theo Hiến pháp năm 2013; nêu và phân tích một số nội dung cơ bản của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Trong đó tập trung phân tích một số quy định chủ yếu của hai Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về ghi nhận và bảo đảm thực hiện các quyền dân sự; đồng thời nêu một số ý kiến về vấn đề bảo đảm thực thi pháp luật về các quyền đó.

Từ khóa:

Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, bảo đảm thực hiện, quyền dân sự của con người và công dân theo Hiến pháp.

Abstract:

This article presents the views and defines the role of civil law and civil procedure in ensuring the implementation of civil rights of humans and citizens under the Constitution 2013; Outlining and analyzing some basic contents of the new laws on Civil and Civil Procedure 2015; especially on provisions which ensuring the recognition and implementation of civil rights; and outlining a number of opinions on the issue of ensuring enforcement of such rights.

Key words:

Civil and Civil Procedure Law, ensuring, Civil rights of Humans and Citizens in Constitution.

1. Vài nét về vị trí của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong cơ chế pháp lý bảo hộ quyền con người ở Việt Nam

Hiến pháp là nền tảng cho toàn bộ hệ thống thể chế, trong đó có pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Mục tiêu tối thượng của toàn bộ hệ thống thể chế và các thiết chế là bảo vệ quyền con người.

Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự là hai bộ phận cấu thành của hệ thống pháp luật quốc gia có vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa Hiến pháp, nhằm đảm bảo thực hiện các quyền con người nói chung, quyền dân sự của con người và công dân nói riêng. Hai bộ phận pháp

* PGS.TS., Trường Đại học Luật - Đại học Huế

luật này gắn bó mật thiết, hữu cơ; là hình thức pháp luật về nội dung và thủ tục, cùng đồng thời tạo nên cơ chế pháp luật về dân sự ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ các quyền con người một cách hữu hiệu.

Quyền dân sự của con người và công dân là một khái niệm mang tính tương đối. Quyền con người là một giá trị mang tính tổng thể, đặt trong mối quan hệ với công quyền cùng các thiết chế của nó. Về bản chất, quyền con người là không thể phân chia, không thể chuyển nhượng, tính phổ biến, tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Tuy nhiên, theo các tài liệu công bố chính thức hiện nay, quyền con người được phân loại theo nhiều cách khác nhau. Sự phân loại chính thức là dựa vào hai Công ước năm 1966 của Liên hợp quốc, bao gồm Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR); theo đó các quyền con người về dân sự được xác định là những quyền sau đây¹: quyền không bị phân biệt đối xử, được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật; quyền sống, tự do và an ninh cá nhân; quyền về xét xử công bằng; quyền về tự do đi lại, cư trú; quyền được bảo vệ đời tư; quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo; quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân.

Quyền con người nói chung, các quyền dân sự của con người và công dân nói riêng đã được ghi nhận và bảo đảm thực hiện trong các bản Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ phát triển. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam đã trang trọng ghi nhận tại chương II “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Điều 14 Hiến pháp năm 2014 khẳng định: “1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. 2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.

Các quy định tại Điều 15 có thể xem như những yêu cầu có tính nguyên tắc của việc thực hiện quyền con người, quyền công dân: quyền công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân; mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Quyền dân sự của con người và công dân đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận đầy đủ, phù hợp với nguyên tắc và nghĩa vụ thành viên các Công ước quốc tế về quyền con người.

Các quyền con người, quyền công dân có thể được thực hiện theo nhiều cơ chế pháp lý. Đặc trưng của cơ chế pháp luật dân sự, trong đó có các quy định Bộ luật Dân sự (BLDS) và

¹ Nguyễn Đăng Dung – Vũ Công Giao – Lê Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2009), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.187.

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) là thiết lập cho các chủ thể tính chủ động, tự mình điều chỉnh hành xử của mình trong các quan hệ nhân thân và tài sản vì quyền và lợi ích của chính mình theo phương thức bình đẳng, thỏa thuận, độc lập và tự chịu trách nhiệm. Khi có tranh chấp về quyền và lợi ích, các chủ thể tự định đoạt trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mình bằng những phương thức khác nhau do luật định, bao gồm cả tự bảo vệ và khởi kiện, yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ.

Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự là hai tiểu hệ thống pháp luật truyền thống của Việt Nam. Tuy nhiên, trước đây nội dung và quá trình hoàn thiện của hai hệ thống pháp luật này chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những quan điểm về sự phân loại các ngành luật trong cơ chế quản lý mang tính mệnh lệnh, hành chính của thời kỳ tập trung, bao cấp. Việc ban hành hai BLDS và BLTTDS vào năm 2015 đã tạo nên một hệ thống pháp luật dân sự về cơ bản hài hòa hóa với pháp luật quốc tế, ngang tầm với các quốc gia tiên tiến trong việc nhận thức và xác định những nội hàm, chức năng, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; tạo nên một bước ngoặt cho quá trình phát triển mới của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự nước nhà, trước hết là khắc phục được sự mâu thuẫn, chòng chẹo trong hệ thống luật tư, tạo nên sự thống nhất giữa luật nội dung và luật hình thức nhằm bảo đảm tốt hơn cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013. Việc ban hành hai bộ luật: BLDS và BLTTDS phần nào phản ánh nhận thức về vai trò và mối quan hệ của hai bộ phận pháp luật này trong cơ chế pháp lý nói chung cũng như trong hệ thống thể chế nhằm cụ thể hóa, triển khai thực hiện chức năng bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Có thể nói, Hiến pháp năm 2013 được ban hành là một bước ngoặt, dấu mốc quan trọng của quá trình hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật theo trật tự và những nguyên lý của định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Các quyền con người, quyền công dân nếu chỉ được thực hiện và bảo vệ bằng cơ chế công quyền, bằng cách cho phép bởi mệnh lệnh hành chính, bằng tính can thiệp và hoàn toàn cưỡng chế bằng sức mạnh, điển hình là cơ chế hành chính và cơ chế pháp luật hình sự thì các quyền đó chưa thật sự có giá trị đích thực của nó, đồng thời con người trở nên bị động. Trên cơ sở ghi nhận, bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp tự thỏa thuận, tự mình thực hiện và tự chịu trách nhiệm, bảo đảm sự toàn vẹn các quyền của mình và bảo vệ các quyền tự do và bình đẳng của con người và công dân, trong đó có các quyền dân sự như đã xác định trên đây; pháp luật dân sự và tố tụng dân sự tạo nên cơ chế pháp lý đặc thù, hữu hiệu nhất trong toàn bộ hệ thống cơ chế pháp luật. Do đó, sẽ không có tự do, bình đẳng thật sự, nếu trong xã hội không có cơ chế pháp luật dân sự cho việc ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ các quyền cơ bản của công dân, quyền con người. Tuy nhiên, các cơ chế pháp luật là những bộ phận cấu thành của một hệ thống chính thể, có mối liên hệ gắn bó hữu cơ, bổ sung cho nhau nhằm tạo nên hiệu quả của điều chỉnh pháp luật nói chung.

2. Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 các quyền con người về dân sự trong Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Sau Hiến pháp 2013, BLDS và BLTTDS cùng được thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII, ngày 24/11/2015 và ngày 25/11/2015 với rất nhiều điểm mới về nội dung và cách tiếp cận. BLDS sẽ có hiệu lực thi hành bắt đầu từ ngày 01/01/2017, còn BLTTDS có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

2.1. Về mặt khoa học pháp lý, việc ban hành cùng thời điểm hai bộ luật: BLDS và BLTTDS phản ánh tư duy, quan điểm và định hướng về sự đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả của hai bộ phận pháp luật nội dung và pháp luật hình thức trong cơ chế điều chỉnh pháp luật về dân sự ở Việt Nam

Tính thống nhất của pháp luật và tính hiệu quả của điều chỉnh pháp luật có mối liên quan mật thiết với nhau. Sự thống nhất trong tư duy là cơ sở cho sự thống nhất trong các hoạt động cụ thể. BLDS 2015 được xác định là luật chung của hệ thống luật tư, còn BLTTDS là luật của các hình thức đảm bảo các quy định của luật tư được thực thi.

BLDS là một đạo luật lớn, là kết quả của hệ thống hóa, pháp điển hóa pháp luật dân sự trong một giai đoạn nhất định. Với những quốc gia theo hệ thống pháp luật thực định, án lệ hầu như chưa tồn tại hoặc còn hết sức mới mẻ như Việt Nam, BLDS có một vai trò đặc biệt quan trọng. Các - Mác đã đánh giá rất cao vai trò của BLDS Napoleon và cho rằng sự nổi tiếng của Napoleon gắn liền với những thắng lợi quân sự của ông, nhưng chính BLDS năm 1804 mới vinh danh ông, làm cho ông trở thành bất tử; bởi nhờ bộ luật này, nền cai trị của nước Pháp trở nên vững chắc và nền kinh tế hàng hóa ngày càng phát triển. BLDS Napoleon năm 1804 đã trở thành hình mẫu cho quá trình pháp điển hóa về dân sự của rất nhiều quốc gia châu Âu và các quốc gia khác trên thế giới trong hai thế kỷ qua.

Các học giả Việt Nam đều đánh giá cao vai trò của luật dân sự, mà nguồn quan trọng nhất là BLDS đối với sự phát triển nhân cách cá nhân và ổn định xã hội, với sự phát triển sở hữu tư nhân và kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường. GS.TSKH. Đào Trí Úc nhận xét: “Ở mọi thời kỳ và ở bất kỳ quốc gia nào thì bằng chứng hiển nhiên của sự phát triển kinh tế, coi trọng quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy dân chủ, ổn định chính trị, xã hội cũng đều là sự hiện diện của Hiến pháp và sau Hiến pháp là BLDS. Nếu như Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, văn bản mang tính chính trị - pháp lý, thì Bộ luật dân sự là văn bản pháp luật có vị trí trung tâm trong toàn bộ hệ thống điều chỉnh pháp luật của Nhà nước ta”².

Hiểu thế nào là “vị trí trung tâm trong toàn bộ hệ thống điều chỉnh pháp luật” của nhà nước? Thứ nhất, nội dung các quy định của BLDS là các đại lượng chung hướng dẫn hành vi

² Đào Trí Úc (1995), *Một số vấn đề cơ bản về Bộ luật dân sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5, tr. 3.

để các chủ thể tự mình chủ động thực hiện và tự chịu trách nhiệm. Cũng theo đó, BLTTDS 2015 đã tạo điều kiện đến mức tối đa cho các chủ thể tự quyết và tự định đoạt khi tham gia vào quan hệ tổ tụng dân sự. Rõ ràng, ở đâu có pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự là ở đó có trật tự và ổn định xã hội.

Rất nhiều những quy định của BLDS chính là những chuẩn mực cho trật tự quản lý nhà nước, cho thủ tục hành chính, và những bộ phận khác của hệ thống pháp luật.

Thứ hai, hiện nay, quan điểm coi BLDS là luật chung trong hệ thống pháp luật đã được khẳng định. Tuy nhiên, *vai trò của luật dân sự nói chung, của Bộ luật dân sự nói riêng không chỉ dừng lại là luật chung của hệ thống luật tư, mà còn là căn cứ, chuẩn mực cho toàn bộ hệ thống thể chế và hoạt động của các thiết chế công quyền.*

2.2. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự ghi nhận đầy đủ hơn, bảo đảm và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân bằng cơ chế pháp luật dân sự

Trước hết, BLDS 2015 xác định nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử trong quan hệ pháp luật dân sự thông qua những quy định về năng lực chủ thể của cá nhân và pháp nhân: “Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau” (Khoản 2 Điều 16) đã làm rõ hơn nội hàm của các quyền nhân thân, đặc biệt là quyền về họ, tên, dân tộc, khai sinh, khai tử, hình ảnh; quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể, danh dự, nhân phẩm, uy tín, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình...; Quy định cụ thể hơn, đầy đủ hơn các cơ chế pháp lý để bảo vệ tốt hơn các quyền trong thực tiễn, bảo vệ quyền nhân thân của cá nhân khi chúng bị xâm phạm.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã chỉ đạo Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong các luật khác về xác định trách nhiệm dân sự, hành chính, hình sự đối với những hành vi xâm phạm quyền nhân thân của cá nhân để bảo đảm rằng, các quyền này phải được bảo vệ không chỉ bằng các quy định của Bộ luật dân sự mà còn bằng cả hệ thống pháp luật của Nhà nước ta.

Khoản 1 Điều 3 BLDS tiếp tục khẳng định: “Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản”.

BLDS quy định, cụ thể hóa quyền sống và an ninh cá nhân tại Điều 33: Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể.

Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được quy định tại Điều 38 BLDS, theo đó, “Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”. Các quyền về hôn nhân và gia đình, bao gồm quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ giữa cha mẹ và con

và quan hệ giữa các thành viên gia đình được quy định tại Điều 39 BLDS, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (LHNGĐ).

Điều 5 LHNGĐ quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật đời tư và các quyền riêng tư khác của các bên được tôn trọng, bảo vệ trong quá trình giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình”.

Bình đẳng giữa vợ và chồng là một trong những nguyên tắc hiến định, được cụ thể hóa trong LHNGĐ ngày càng đầy đủ hơn qua các giai đoạn phát triển. Theo quy định của LHNGĐ, vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân được quy định trong Hiến pháp, LHNGĐ và các luật khác (Điều 17). Đạo luật này *đã bỏ sung những quy định mới về quyền bình đẳng của vợ chồng trong việc lựa chọn chế độ tài sản chung*. Điều 28 LHNGĐ quy định: “Vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thỏa thuận”.

Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận là một bước phát triển của tư duy, thực tiễn lập pháp theo tinh thần của Hiến pháp Việt Nam và xu thế quốc tế, đề cao quyền tự do ý chí, bình đẳng và tự quyết của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Một số quan điểm cho rằng, chế độ tài sản theo thỏa thuận là không phù hợp với văn hóa và tập quán Việt Nam. Với chế độ tài sản theo thỏa thuận, phải chăng chúng ta đã thừa nhận quan điểm coi hôn nhân là một hợp đồng dân sự?

Xét về bản chất, thỏa thuận xác lập chế độ tài sản vợ chồng là một giao dịch dân sự. Tuy vậy, giao dịch dân sự này phải được lập trước khi kết hôn và chỉ được coi là xác lập kể từ ngày kết hôn. Việc kết hôn dựa trên cơ sở tình yêu nam nữ vẫn là nền tảng của quan hệ hôn nhân. Thỏa thuận về chế độ về tài sản sẽ bị vô hiệu nếu nội dung của nó vi phạm quyền, lợi ích của các chủ thể thứ ba trong quan hệ cấp dưỡng, quan hệ thừa kế, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cha, mẹ, con và các thành viên khác.

Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là những vấn đề pháp lý nổi bật trong quá trình hoàn thiện pháp luật dân sự nhằm bảo đảm quyền về dân sự của con người và công dân theo Hiến pháp 2013³.

Vấn đề chuyển đổi giới tính lần đầu tiên được thừa nhận và ghi nhận trong BLDS. Theo quy định tại Điều 37, việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của bộ luật dân sự và luật khác có liên quan.

³ Xem Điều 93 đến Điều 100 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

BLDS 2015 đã thể hiện được một cách rõ ràng chính sách của Nhà nước ta đối với vấn đề thực hiện trách nhiệm quốc gia trong việc bảo vệ quyền con người, thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới và không phân biệt đối xử, thể hiện trong quy định về vấn đề chuyển đổi giới tính, quyền của những người đã chuyển đổi giới tính.

Mặc dù chưa có số liệu thống kê chính thức về những người đã chuyển đổi giới tính hoặc có nhu cầu chuyển đổi giới tính ở nước ta, nhưng mong muốn được chuyển đổi giới tính là một nhu cầu có thật và đang có xu hướng ngày càng gia tăng. Một thời gian dài, do pháp luật Việt Nam chưa cho phép chuyển đổi giới tính, một số người đã ra nước ngoài sử dụng dịch vụ này. Khi về nước, họ không được cải chính hộ tịch, do đó, gặp không ít khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ y tế để duy trì giới tính mới cũng như trong cuộc sống, công tác và thực hiện các quyền dân sự khác có liên quan. Những quy định về việc chuyển đổi giới tính trong BLDS 2015 (Điều 37) là kết quả của quá trình lập pháp về dân sự Việt Nam, là sự phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân thông qua quy trình lấy ý kiến Nhân dân của một số Bộ, ngành, địa phương và nhiều ý kiến tại một số hội thảo, tọa đàm hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng cũng như đề nghị của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và một số vị đại biểu Quốc hội đóng góp xây dựng pháp luật.

BLDS 2015 tiếp tục ghi nhận và bảo vệ quyền con người, quyền công dân về tự do đi lại, cư trú. Kết hợp với Luật Cư trú quy định về những thủ tục đăng ký nơi cư trú, BLDS đã quy định bảo đảm quyền tự do cư trú của cá nhân và các đặc thù liên quan đến việc xác định nơi cư trú của cá nhân trong giao dịch dân sự, còn những vấn đề khác, mang tính chất quản lý nhà nước về nơi cư trú thì do Luật cư trú điều chỉnh. Theo quy định của BLDS 2015, nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của cá nhân thì nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó đang sinh sống. Việc xác định nơi cư trú của những chủ thể cụ thể là người chưa thành niên, người được giám hộ của vợ, chồng, của quân nhân, của người làm nghề lưu động được xác định theo các quy định tại các Điều từ 41 đến Điều 45.

Trên tinh thần đó, Luật Cư trú cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý cư trú; quyền, trách nhiệm của công dân, cơ quan, tổ chức về đăng ký, quản lý cư trú còn BLDS quy định về nơi cư trú của cá nhân nhằm gắn nơi cư trú của cá nhân với việc xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt các giao dịch dân sự của cá nhân đó.

2.3. Những sửa đổi, bổ sung trong BLDS 2015 phản ánh tư duy lập pháp của Việt Nam về mối liên hệ mật thiết, tính riêng biệt của mỗi bộ phận pháp luật trong sự thống nhất, đồng bộ của toàn hệ thống nhằm cụ thể hóa Hiến pháp 2013; đã xác định các giá trị chuẩn mực chung cho hành vi, cho xử sự của các cá nhân, cơ quan và tổ chức theo trật tự của Nhà nước pháp quyền

Phù hợp với tinh thần Hiến pháp về giới hạn phạm vi và mức độ bảo hộ các quyền dân sự, khoản 2 Điều 2 BLDS 2015 quy định: Quyền dân sự chỉ có thể bị hạn chế theo quy định

của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các quy định về chủ thể quan hệ pháp luật dân sự bằng việc xác định tư cách chủ thể của cá nhân và pháp nhân; ghi nhận tư cách chủ thể của hộ gia đình trong quan hệ pháp luật dân sự không làm tổn hại đến tư cách độc lập của các thành viên gia đình.

Theo những quy định của BLDS 2015, trường hợp hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì mỗi thành viên của các thực thể pháp lý này được xác định là chủ thể của các quan hệ này. Các thành viên thỏa thuận bằng văn bản cử người đại diện để thực hiện quyền, nghĩa vụ có liên quan⁴.

Bên cạnh đó, quy định về người đại diện của hộ gia đình, tổ hợp tác và quy định về thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác trong việc định đoạt tài sản chung là hai vấn đề pháp lý khác nhau. Theo nguyên tắc chung về đại diện, việc tham gia quan hệ dân sự của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thông qua người đại diện nhưng điều đó không có nghĩa là người này có toàn quyền quyết định mọi quan hệ dân sự có liên quan. Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung thì việc tham gia quan hệ dân sự của người đại diện cũng cần phải có sự đồng ý của các thành viên còn lại.

- Những quy định của BLDS 2015 về thời hiệu, về giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức đã thể hiện quan điểm “Nhà nước không can thiệp mà bằng pháp luật tôn trọng, bảo đảm, đề cao tự do ý chí, thiện chí, trung thực trong quan hệ dân sự, quan hệ hợp đồng”.

Những quy định của BLDS 2015 về giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức, các quy định về thời hiệu đã thể hiện cách tiếp cận hoàn toàn mới so với những quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005, phù hợp với bản chất của quan hệ dân sự là tự do ý chí, thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm. Trong quá trình thảo luận về dự thảo BLDS, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và một số vị đại biểu Quốc hội cho rằng, quy định “không có tranh chấp” thành một trong những điều kiện để xác định hiệu lực của một giao dịch vi phạm về hình thức là chưa phù hợp với thực tế. Bởi vì thông thường, nếu giao dịch dân sự không có tranh chấp thì các bên sẽ tự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc tự hoàn thiện các thủ tục liên quan đến hình thức thay vì yêu cầu Tòa án công nhận, vừa tốn thời gian, công sức mà hậu quả pháp lý không khác nhau. Vấn đề đặt ra là, đối với một giao dịch đã được xác lập mà vi phạm quy định bắt buộc về hình thức, các bên đã thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong giao dịch nhưng sau đó xảy ra tranh chấp thì giao dịch đó có bị coi là vô hiệu hay không? Theo ý kiến này, quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự không tuân thủ về hình thức cần bảo đảm an toàn về pháp lý, sự ổn định của các giao dịch dân sự và quyền, lợi ích của các bên

⁴ Xem Điều 101 – 104.

trong giao dịch, nhất là đối với bên thiện chí⁵. Do đó, BLDS 2015 đã chỉnh lý lại nội dung này theo hướng, nếu giao dịch vi phạm quy định bắt buộc về hình thức hoặc giao dịch đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực nhưng các bên đã thực hiện “ít nhất 2/3” nghĩa vụ thì giao dịch đó được Tòa án công nhận là có hiệu lực, quyết định của Tòa án sẽ thay thế các thủ tục về văn bản, công chứng, chứng thực để ràng buộc các bên trong giao dịch, cơ quan, tổ chức có liên quan hoàn thiện thủ tục đối với tài sản (nếu có) để công nhận quyền, nghĩa vụ của các bên trong giao dịch.

Các quyền dân sự của con người và công dân được cụ thể hóa trong pháp luật dân sự chủ yếu là các quyền nhân thân. Phù hợp với bản chất của các quyền dân sự của con người và công dân, BLDS quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bảo vệ các quyền về nhân thân không gắn với tài sản (Điều 155). Tính thỏa thuận của quan hệ dân sự được tính đến trong các quy định về áp dụng thời hiệu (Khoản 2 Điều 149).

Đặc biệt, quyền được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản là cơ sở cho việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng được ghi nhận và bảo đảm thực hiện bằng những quy định trong BLDS (Khoản 1 Điều 3). Điều 14 BLDS quy định về việc bảo vệ quyền dân sự thông qua cơ quan có thẩm quyền, trong đó Khoản 2 xác định: “Tòa án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật cụ thể để áp dụng; trong trường hợp này, quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Bộ luật này được áp dụng”.

Khẳng định trách nhiệm của Tòa án trong việc xét xử các vụ việc dân sự, BLDS lần đầu tiên xác định án lệ, lẽ công bằng là những nguồn luật của hệ thống pháp luật Việt Nam. Những quy định này chính là sự đảm bảo thực thi nguyên tắc về quyền tiếp cận công lý của người dân trong nhà nước pháp quyền; đồng thời cũng là cơ sở pháp lý khẳng định vai trò độc lập của Tòa án trong cơ chế quyền lực nhà nước.

2.4. Pháp luật tố tụng dân sự với việc bảo đảm thực hiện các quy định Hiến pháp 2013 về quyền công dân, quyền con người về dân sự

Quyền tiếp cận công lý và được xét xử công bằng là những nội dung quan trọng được ghi nhận và bảo đảm thực hiện trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, “là cơ sở và nguyên tắc chung trong việc bảo vệ tất cả các quyền con người”⁶.

Sau khi ban hành Hiến pháp năm 2013, nhiều văn bản pháp luật liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự đã được ban hành. Trước hết là Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi

⁵ Báo cáo giải trình của Chính phủ về việc tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân và đại biểu Quốc hội về dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi) Số 312/BC-CP ngày 24/6/2015

⁶ Nguyễn Đăng Dung – Vũ Công Giao – Lê Khánh Tùng (đồng chủ biên) (2009), *Giải trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.193.

hành án dân sự năm 2014, Luật Công chứng năm 2014. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là kết quả của quá trình pháp điển hóa pháp luật tố tụng dân sự của Việt Nam trên cơ sở kế thừa và phát triển BLTTDS 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011.

BLTTDS 2015 ra đời trong bối cảnh hệ thống pháp luật Việt Nam đã bước sang một giai đoạn phát triển mới với những thay đổi cơ bản trong tư duy về mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật với công dân và quyền công dân. Toàn bộ nội dung Hiến pháp và các văn bản được ban hành sau Hiến pháp 2013 đều toát lên tinh thần: một hệ thống pháp luật lấy quyền con người làm mục tiêu; một nhà nước phục vụ dân, bảo vệ quyền của dân và thúc đẩy phát triển.

Nội dung của BLTTDS 2015 là sự thể chế hóa quan điểm của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền, tự do và bình đẳng của con người, về một Nhà nước của dân, do dân và vì dân, về một hệ thống tư pháp bảo vệ quyền con người, bảo vệ công lý. Đoạn thứ 2 Điều 1 BLTTDS 2015 khẳng định: *“Bộ luật tố tụng dân sự góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; giáo dục mọi người nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật”*.

Những nội dung mới của BLTTDS 2015, kết quả của quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự nhằm cụ thể hóa Hiến pháp về cơ chế pháp luật dân sự bảo đảm quyền con người, quyền công dân thể hiện ở những điểm chủ yếu sau đây: (i) Tăng cường cơ chế đảm bảo thực thi các quyền về dân sự; (ii) Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của Tòa án, hệ thống tư pháp là bảo vệ quyền con người, quyền công dân; (iii) Cụ thể hóa Hiến pháp về các nguyên tắc tổ chức hệ thống tư pháp và thủ tục tố tụng dân sự; (iv) Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật về nội dung và pháp luật về hình thức thủ tục; giữa thiết chế tổ chức tư pháp với thủ tục tố tụng; (v) Thay đổi một cách toàn diện mô hình tố tụng, tăng cường thủ tục tranh tụng trên cơ sở đề cao vai trò quyết định và tự định đoạt của đương sự; (vi) Khẳng định vai trò độc lập của Tòa án và vị trí của các chủ thể trong tố tụng dân sự; xác định trách nhiệm của Tòa án, đại diện cho quyền lực tư pháp chịu sự giám sát của nhân dân; (vii) Tăng cường các biện pháp đảm bảo hiệu quả của quyền lực tư pháp trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua thủ tục tố tụng dân sự bằng việc bổ sung các hình thức thủ tục tố tụng đối với một số vụ việc cụ thể, bổ sung thủ tục rút gọn...; (viii) Hòa hòa và tương thích với pháp luật quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thúc đẩy quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

Trong chương 2, về các nguyên tắc cơ bản, BLTTDS tiếp tục khẳng định: *“Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng”* (Khoản 2 Điều 4); nguyên tắc về quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (Điều 4); quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự (Điều 5); bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự (Điều 8); bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

(Điều 9); tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai (Điều 15); bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (hai cấp xét xử, Điều 17); bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự (Điều 16); bảo đảm tranh tụng trong xét xử (Điều 24); quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự trong tố tụng dân sự (Điều 6); giám đốc việc xét xử (Điều 18); bảo đảm hiệu lực bản án, quyết định của Tòa án (Điều 19); bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự (Điều 25);...

Một trong những nội dung thể hiện nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là những quy định việc *mở rộng các đối tượng được làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự* (Khoản 2 Điều 75 BLTTDS); *đồng thời xác định thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thay thế thủ tục cấp giấy chứng nhận* (Khoản 3 Điều 75 BLTTDS).

Với BLTTDS 2015, thẩm quyền của Tòa án và trình tự, thủ tục tố tụng dân sự được xác định lại một cách thống nhất và đồng bộ, thể hiện ở những điểm sau đây:

Thứ nhất, xác định lại thẩm quyền của Tòa án các cấp, thẩm quyền theo vụ việc và thẩm quyền theo lãnh thổ nhằm thống nhất với những sửa đổi trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân và các văn bản pháp luật liên quan khác, nhằm tạo điều kiện cho người dân dễ tiếp cận hơn với Tòa án và dịch vụ tư pháp;

Thứ hai, quy định thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự (từ Điều 316 đến Điều 324).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 103 Hiến pháp 2013 việc xét xử tại Tòa án có thể được tiến hành theo thủ tục rút gọn nhằm bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích chính đáng của các bên, đỡ gây tốn kém cho đương sự và nhà nước. Theo Khoản 1 Điều 317 BLTTDS, việc áp dụng thủ tục rút gọn có thể được áp dụng giải quyết vụ án dân sự trong một số trường hợp cụ thể với những điều kiện theo luật định⁷.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện những tình tiết mới làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn (khoản 3 và 4 Điều 317) thì Tòa án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường.

Việc giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn cũng phải tuân theo nguyên tắc hiến định về chế độ hai cấp xét xử: tại tòa án sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm. Thủ tục phúc thẩm rút gọn đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị được quy định tại Điều 324 BLTTDS.

Thứ ba, BLTTDS 2015 có nhiều quy định về các thủ tục cụ thể hướng tới bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, tăng cường hiệu quả của hệ thống tư pháp thông qua phương thức xã hội hóa các hoạt động tư pháp, tăng cường bảo vệ một số đối tượng thuộc nhóm yếu thế trong tố tụng dân sự. Đó là các quy định tại Phần thứ sáu về thủ tục giải quyết việc dân sự bao gồm: Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi

⁷ Xem Điều 137 BLTTDS 2015.

dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án...

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế (phần thứ tám, từ Điều 464 đến Điều 481);

Thứ năm, cụ thể hóa nguyên tắc hiến định về trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Người tiến hành tố tụng nếu có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho người dân thì cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ đó phải bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước (Điều 113).

3. Vấn đề thực hiện và bảo đảm thực thi pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự theo tinh thần Hiến pháp

3.1. Công lý chỉ có thể đạt được khi pháp luật được thực thi trên thực tế

Hiến pháp và những quy định mới của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong các văn bản pháp luật cũng chỉ có thể là công lý trên giấy nếu các bản án, quyết định của Tòa án không được thi hành. Chính vì vậy, cũng như BLTTDS 2004, BLTTDS 2015 cũng có một phần về thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án (Phần thứ chín, từ Điều 482 đến Điều 488). Mặc dù việc tổ chức thi hành án dân sự được quy định trong một đạo luật khác, nhưng có thể hiểu rằng, thi hành án dân sự là giai đoạn tiếp nối của xét xử, giai đoạn cuối cùng của quá trình tố tụng, giai đoạn công lý được thực thi. Vì vậy, các quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp chỉ được bảo vệ, bảo đảm thực hiện khi có sự quan tâm nhiều hơn để xây dựng cơ chế thi hành án dân sự hữu hiệu. Không chỉ có Tòa án mới cần độc lập mà cơ quan thi hành án cũng phải độc lập để bảo đảm thi hành án hiệu quả.

Độc lập của Tòa án luôn gắn liền với trách nhiệm. Tuy nhiên, những quy định về trách nhiệm bồi thường nhà nước của Tòa án cùng với những quy định về điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thẩm phán ở nước ta hiện nay đang gây nên những sự né tránh trách nhiệm của một số cán bộ khi cần thiết phải áp dụng những biện pháp bảo đảm như biện pháp khẩn cấp tạm thời, làm cho hoạt động xét xử không đạt hiệu quả như mong muốn.

3.2. Tính khả thi của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự

Nội hàm của pháp luật dân sự và tố tụng dân sự là rất lớn. Tính khả thi của Hiến pháp, pháp luật nói chung, pháp luật dân sự nói riêng phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó yếu tố đầu tiên là sự bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của toàn bộ hệ thống pháp luật, sự đồng bộ giữa pháp luật với tổ chức bộ máy nhà nước, giữa chính trị với pháp luật, đặc biệt là cơ chế kiểm tra, giám sát thực quyền, sự độc lập của quyền tư pháp.

Đối tượng của quản lý nhà nước là con người và tài sản. Nhà nước cần có những hệ thống dữ liệu thống nhất về con người, (chủ thể quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật) và hệ thống dữ liệu về các loại tài sản trong xã hội.

Một trong những vấn đề quan trọng của BLDS là bảo đảm tính thống nhất, khả thi trong quy định của Bộ luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đây là một trong những chủ đề quan trọng nhất của việc triển khai thực hiện pháp luật nói chung, thực hiện BLDS nói riêng.

Vấn đề bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự là một trong những nội dung quan trọng của BLDS với ý nghĩa là luật chung, trung tâm của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, tính khả thi của các quy định này là một vấn đề khó xác định. Bởi vì, *thứ nhất*, xác định khái niệm về tài sản và tài sản trong các biện pháp bảo đảm là không đồng bộ với hệ thống pháp luật Việt Nam; *thứ hai*, trong cơ chế quản lý kinh tế, *chưa có sự minh bạch về thu nhập hợp pháp và xác định tài sản của các chủ thể một cách rõ ràng*. Tình trạng tài sản của người này nhưng lại mang tên của người khác là hết sức phổ biến do không quy định rõ ràng, cụ thể thời hạn phải chuyển quyền sở hữu trong những giao dịch cụ thể. Quản lý nhà nước về nhân thân và tài sản cần có hệ thống thống nhất trên toàn quốc, mà không phải theo từng tỉnh, thành như hiện nay.

3.3. Bảo đảm quyền luôn gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ

Một nguyên lý hiển nhiên trong nhà nước pháp quyền là bảo đảm quyền luôn gắn với việc thực hiện nghĩa vụ công dân. Hiện tại, Nhà nước đang triển khai đề án xây dựng hệ thống dữ liệu về nhân thân trên toàn quốc. Chúng tôi cho rằng, *đã đến lúc phải xây dựng, thiết lập hệ thống quản lý tài sản, không chỉ đối với đất đai, bất động sản*, mà đối với nhiều loại tài sản khác; cơ chế quản lý sản nghiệp cá nhân, *đặc biệt là thu nhập hợp pháp của cá nhân và các chủ thể khác*. Minh bạch về nhân thân và tài sản là cơ sở cho việc đảm bảo thực hiện các quyền con người nói chung, quyền dân sự của con người và công dân nói riêng. Sự minh bạch này là căn cứ cho sự minh bạch của hệ thống quản lý nhà nước, là cơ sở chống tham nhũng, xây dựng bộ máy nhà nước theo nguyên lý nhà nước pháp quyền. Những quy định của BLDS về căn cứ xác lập quyền sở hữu là cơ sở để xác định thu nhập hợp pháp của cá nhân và các chủ thể khác, cũng là cơ sở xác định nghĩa vụ của cá nhân công dân đối với nhà nước trong việc nộp thuế thu nhập và các nghĩa vụ khác. Tuy nhiên, để có được những cơ sở dữ liệu chính xác, cần có nhiều yếu tố khác trong hệ thống quản lý.

3.4. Luôn cập nhật và sử dụng thành tựu khoa học, công nghệ; đổi mới công tác cán bộ

Tiếp tục ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành BLDS và BLTTDS 2015, LHNGĐ 2014 về các vấn đề cụ thể như chuyển đổi giới tính, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và các vấn đề khác liên quan.

Sử dụng thành tựu khoa học công nghệ để thông qua nhiều kênh truyền thông, thông tin kịp thời phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, toàn thể nhân dân tiếp nhận những

tri thức mới về pháp luật nói chung, về Hiến pháp và pháp dân sự, tổ tụng dân sự nói riêng trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Hiến pháp, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự cũng như tất cả các bộ phận pháp luật khác chỉ đi vào cuộc sống khi quá trình triển khai thi hành, thực hiện có sự cập nhật và lấy cuộc sống, quyền tự do, bình đẳng, hạnh phúc và an ninh của người dân làm mục tiêu và thước đo; luôn quán triệt định hướng và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Dung – Vũ Công Giao – Lã Khánh Tùng (Đồng chủ biên), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia năm 2009.
2. Đào Trí Úc, *Một số vấn đề cơ bản về Bộ luật dân sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/1995.
3. Báo cáo giải trình của Chính phủ về việc tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân và đại biểu Quốc hội về dự án Bộ luật dân sự (sửa đổi) số 312/BC-CP ngày 24/6/2015.